

Chi tiết mã HS 8309.90.10

Mã HS	8309.90.10
Mô tả hàng hóa	Nút chai lọ, nút bịt và nắp đậy (kể cả nắp hình vương miện, nút xoáy và nút một chiều), bao thiếc bịt nút chai, nút thùng có ren, tấm đậy lỗ thoát của thùng, dụng cụ niêm phong và bộ phận đóng gói khác, bằng kim loại cơ bản / - Loại khác: / - - Bao thiếc bịt nút chai
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 11:27:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/83099010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12676
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12676
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12676
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NG-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NG-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NG-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NG-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NG-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NG-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NG-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NG-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12044
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11987
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11987
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11987
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11987
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11987
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11987
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12039
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12039

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12039
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12039
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12039
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12039
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12040
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12040
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12040
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12040
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12040
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12040
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12043
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11993
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11999
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11999
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11999
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11999
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11999
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11999
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12032
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12032
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12032
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12032
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12032
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12032
VCFTA	2022	2022	3	VC!D12077
VCFTA	2023	2023	1	VC!E12077

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12077
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12077
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12077
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12077
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12062
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12062
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12062
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12062
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12062
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12062
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D12062
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E12062
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F12062
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G12062
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H12062
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12062
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D12079
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E12079
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F12079
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12079
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12079
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12079
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D12078
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E12078
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F12078
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12078

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12078
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12078
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12025
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12025
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12025
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12025
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12025
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12025
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12025
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12062
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12062
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12062
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12062
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12062
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12062
RCEP B	2022	2022	0	B!D12062
RCEP B	2023	2023	0	B!E12062
RCEP B	2024	2024	0	B!F12062
RCEP B	2025	2025	0	B!G12062
RCEP B	2026	2026	0	B!H12062
RCEP B	2027	2027	0	B!I12062
RCEP C	2022	2022	0	C!D12062
RCEP C	2023	2023	0	C!E12062
RCEP C	2024	2024	0	C!F12062
RCEP C	2025	2025	0	C!G12062
RCEP C	2026	2026	0	C!H12062

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12062
RCEP D	2022	2022	0	D!D12061
RCEP D	2023	2023	0	D!E12061
RCEP D	2024	2024	0	D!F12061
RCEP D	2025	2025	0	D!G12061
RCEP D	2026	2026	0	D!H12061
RCEP D	2027	2027	0	D!I12061
RCEP E	2022	2022	0	E!D12065
RCEP E	2023	2023	0	E!E12065
RCEP E	2024	2024	0	E!F12065
RCEP E	2025	2025	0	E!G12065
RCEP E	2026	2026	0	E!H12065
RCEP E	2027	2027	0	E!I12065
RCEP F	2022	2022	0	F!D12062
RCEP F	2023	2023	0	F!E12062
RCEP F	2024	2024	0	F!F12062
RCEP F	2025	2025	0	F!G12062
RCEP F	2026	2026	0	F!H12062
RCEP F	2027	2027	0	F!I12062
VIFTA	2024	2024	12.9	VII!F11150
VIFTA	2025	2025	10.7	VII!G11150
VIFTA	2026	2026	8.6	VII!H11150
VIFTA	2027	2027	6.4	VII!I11150

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8309.90 có 9 dòng thuế; dòng 8309.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bao thiếc bịt nút chai.	8309.90.20 Nắp của hộp (lon) nhôm; 8309.90.60 Nắp bình phun xịt, bằng thiếc; 8309.90.70 Nắp hộp khác; 8309.90.81 Nút chai; nút xoáy; 8309.90.89 Loại khác; 8309.90.91 Nút chai; nút xoáy	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8309.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8309.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12676), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.